

LỒNG GHÉP SỰ NHẠY CẢM VĂN HÓA TRONG DẠY TIẾNG NHẬT TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Minh Hiền
Email: HienHTM@vhu.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, việc nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa cho người học tiếng Nhật ngày càng cấp thiết. Nghiên cứu này khảo sát thực trạng lồng ghép yếu tố nhạy cảm văn hóa trong giảng dạy tiếng Nhật tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả. Bằng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp trên giáo viên và học viên, kết quả cho thấy: dù nhận thức về vai trò của văn hóa khá tích cực, việc vận dụng vào giảng dạy vẫn còn hạn chế, khiến học viên khó áp dụng trong giao tiếp thực tế. Từ đó, nghiên cứu đề xuất bốn hướng chính: bồi dưỡng năng lực giảng dạy liên văn hóa cho giáo viên; phát triển tài liệu tích hợp văn hóa; đổi mới phương pháp dạy theo hướng thực hành; và xây dựng hệ thống đánh giá năng lực giao tiếp toàn diện.

Từ khóa: nhạy cảm văn hóa, giao tiếp liên văn hóa, tiếng Nhật.

THE INTEGRATION OF CULTURAL SENSITIVITY INTO JAPANESE LANGUAGE EDUCATION AT EDUCATIONAL INSTITUTIONS IN HO CHI MINH CITY

Ho Thi Minh Hien
Email: HienHTM@vhu.edu.vn

Abstract: In the context of deep international integration, enhancing intercultural communication competence among Japanese language learners has become increasingly essential. This study examines the current integration of cultural sensitivity in Japanese language teaching in Ho Chi Minh City (HCMC) and proposes solutions to improve its effectiveness. Using a mixed-method approach involving both teachers and learners, the findings reveal that although awareness of the cultural dimension is generally positive, its practical application in teaching remains limited, making it difficult for learners to apply cultural knowledge in real-life communication. Accordingly, the study proposes four key directions: strengthening teachers' intercultural teaching competence, developing culturally integrated learning materials, innovating teaching methods with a focus on practical communication, and establishing a comprehensive system for assessing intercultural communication competence.

Keywords: cultural sensitivity, intercultural communication, Japanese language.

Nhận bài: 18/08/2025

Phản biện: 20/09/2025

Duyệt đăng: 24/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhu cầu về nguồn nhân lực có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Nhật không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, năng lực giao tiếp không chỉ đơn thuần là khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác về mặt ngữ pháp và từ vựng, mà còn đòi hỏi sự am hiểu sâu sắc về văn hóa và khả năng vận dụng linh hoạt các chuẩn mực văn hóa trong giao tiếp. Việc thiếu nhạy cảm văn hóa, thể hiện qua việc sử dụng ngôn ngữ không phù hợp với ngữ cảnh, tình huống và đối tượng giao tiếp, có thể dẫn đến những hiểu lầm, thậm chí gây ra những rào cản đáng kể trong giao tiếp, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hợp tác và trao đổi giữa các bên. Do đó, việc lồng ghép yếu tố nhạy cảm văn hóa vào quá trình dạy và học tiếng Nhật không còn là một lựa chọn mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu, đặc biệt trong bối cảnh quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục giữa Việt Nam và Nhật Bản đang ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Nghiên cứu khảo sát thực trạng lồng ghép nhạy cảm văn hóa trong giảng dạy tiếng Nhật tại TP.HCM

- trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của Việt Nam. Trọng tâm nghiên cứu gồm: nhận thức của giáo viên và học viên về tầm quan trọng của văn hóa, mức độ và phương thức lồng ghép, cùng tác động của yếu tố này đến năng lực giao tiếp thực tế.

Kết quả kỳ vọng góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho việc cải tiến chương trình, phương pháp giảng dạy tiếng Nhật theo hướng phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy hợp tác Việt - Nhật.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết về sự nhạy cảm văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ

2.1.1. Sự nhạy cảm văn hóa

Sự nhạy cảm văn hóa (Cultural Sensitivity) là nền tảng của năng lực giao tiếp liên văn hóa, đặc biệt trong giáo dục ngoại ngữ. Bennett (1993) mô tả đây là quá trình phát triển nhận thức và thái độ đối với sự khác biệt văn hóa, trải qua các giai đoạn từ phủ nhận, phòng vệ đến chấp nhận, thích nghi và hòa nhập được hệ thống hóa trong Mô hình Phát triển Nhạy cảm Văn hóa (DMIS). Mô hình

này giúp hiểu quá trình chuyển biến tâm lý của học viên khi tiếp xúc với khác biệt văn hóa và là cơ sở để thiết kế chương trình đào tạo phù hợp.

Deardorff (2006) mở rộng khái niệm này trong Mô hình Năng lực Giao tiếp Liên văn hóa, coi nhạy cảm văn hóa là một thành tố cốt lõi gắn với thái độ tôn trọng, kỹ năng quan sát, diễn giải, và khả năng thích nghi hành vi. So với Bennett, Deardorff tiếp cận đa chiều hơn khi kết hợp yếu tố cá nhân và bối cảnh. Cả hai đều thống nhất rằng rèn luyện nhạy cảm văn hóa là điều kiện thiết yếu để đạt hiệu quả trong giao tiếp đa văn hóa.

Theo Spitzberg và Changnon (2009), sự nhạy cảm văn hóa còn gắn liền với năng lực tương tác (interaction competence), nghĩa là không chỉ nhận thức khác biệt mà còn biết hành xử phù hợp trong tình huống thực tế. Tổng hợp lại, nhạy cảm văn hóa là năng lực tổng hợp gồm nhận thức, thái độ và hành vi, có thể phát triển qua giáo dục và trải nghiệm. Trong giảng dạy ngoại ngữ, việc vận dụng khái niệm này giúp giáo viên định hướng hoạt động học tập hướng đến sự hiểu biết và ứng xử đúng mực trong môi trường liên văn hóa.

2.1.2. Tiếp cận liên văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ

Tiếp cận liên văn hóa (Intercultural Approach) xem ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp gắn liền với văn hóa và bối cảnh sử dụng. Byram (1997) là người tiên phong với mô hình Năng lực Giao tiếp Liên văn hóa (ICC), gồm năm yếu tố: thái độ cởi mở, kiến thức văn hóa, kỹ năng diễn giải, liên hệ, kỹ năng tương tác và năng lực phê bình văn hóa. So với mô hình của Canale & Swain (1980), vốn nhấn mạnh năng lực ngôn ngữ, Byram mở rộng trọng tâm sang năng lực văn hóa - tư duy - hành vi, phản ánh nhu cầu của học viên trong môi trường toàn cầu hóa.

Liddicoat và Scarino (2013) nhấn mạnh vai trò của giáo viên như “người thiết kế trải nghiệm học tập” giúp học viên di chuyển giữa các thế giới văn hóa (shifting perspectives). Thay vì truyền đạt kiến thức văn hóa tĩnh, giáo viên nên khuyến khích học viên quan sát, đặt câu hỏi, so sánh và phản tư về sự khác biệt. Ở cấp độ thực hành, tiếp cận liên văn hóa yêu cầu tích hợp văn hóa vào toàn bộ quá trình giảng dạy, từ lựa chọn nội dung, xử lý tình huống đến thiết kế nhiệm vụ học tập. Các chiến lược như so sánh liên văn hóa, phân tích tình huống sai lệch và phản tư cá nhân được xem là công cụ hiệu quả để hình thành tư duy liên văn hóa.

2.1.3. Tiếp cận liên văn hóa trong giảng dạy tiếng Nhật

Tiếng Nhật là ngôn ngữ mang đậm đặc trưng văn hóa - xã hội, nơi cách dùng từ chịu ảnh hưởng lớn bởi bối cảnh, quan hệ và vị thế. Các yếu tố như kính ngữ (keigo), cách diễn đạt gián tiếp hay khái niệm “uchi - soto” (trong - ngoài nhóm) phản ánh cấu trúc xã hội Nhật Bản. Theo Ishihara và Cohen (2010), việc hiểu văn hóa ngầm định (implicit culture) là điều kiện tiên quyết để sử dụng tiếng Nhật phù hợp. Học viên thiếu năng lực liên văn hóa thường mắc lỗi giao tiếp không phải do ngữ pháp mà do chưa nắm được “hàm ý xã hội” của ngôn ngữ.

Các nghiên cứu của Sercu (2005) và Yonezawa (2017) đề xuất những phương pháp hiệu quả như so sánh liên văn hóa, sử dụng tư liệu thực (authentic materials), mô phỏng tình huống giao tiếp và phản tư phê bình để giúp học viên nhận diện và điều chỉnh hành vi ngôn ngữ phù hợp với văn hóa đích. Tuy nhiên, khảo sát gần đây tại TP.HCM (Nguyễn & Trần, 2023) cho thấy việc lồng ghép yếu tố văn hóa trong dạy tiếng Nhật còn hạn chế và thiếu hệ thống; nhiều giáo viên chưa được đào tạo bài bản về năng lực sư phạm liên văn hóa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu nhạy cảm văn hóa trong dạy tiếng Nhật tại TP.HCM áp dụng phương pháp hỗn hợp định tính và định lượng. Định tính bao gồm: (1) Phỏng vấn sâu giáo viên và học viên các trình độ để khai thác quan điểm, kinh nghiệm, khó khăn, đề xuất về lồng ghép văn hóa, tập trung vào cách giáo viên áp dụng, tài liệu sử dụng và hỗ trợ cần thiết, cũng như cảm nhận, khó khăn, mong muốn của học viên. (2) Quan sát lớp học ghi nhận cách lồng ghép văn hóa, phản ứng học viên và tương tác, chú ý hoạt động, tài liệu, phương pháp. (3) Phân tích nội dung giáo trình, tài liệu để đánh giá mức độ, sự đa dạng, phù hợp và cách trình bày nội dung văn hóa. Định lượng gồm: (1) Khảo sát bằng bảng hỏi (thang đo Likert, câu hỏi đóng) trên mẫu rộng giáo viên, học viên để thu thập dữ liệu về hiểu biết, thái độ, thực hành liên quan đến nhạy cảm văn hóa. (2) Kiểm tra năng lực giao tiếp qua nhập vai, thuyết trình, viết email... trong tình huống thực tế, chấm điểm theo rubric về độ chính xác ngôn ngữ, phù hợp văn hóa và hiệu quả giao tiếp. (3) Phân tích thống kê để tìm mối liên hệ biến số, yếu tố ảnh hưởng và kiểm định giả thuyết. Các phương pháp định tính và định lượng được triển khai song song, bổ trợ cho nhau. Dữ liệu định tính làm rõ và giải thích kết quả định lượng, cung cấp thông tin chi tiết và sâu sắc.

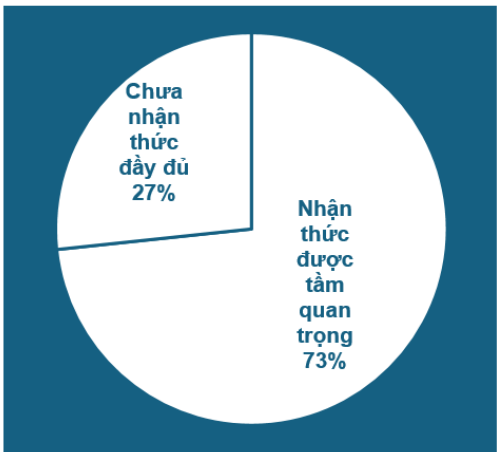
2.3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát thực hiện trên mẫu 100 học viên và 30 giáo viên tiếng Nhật tại TP.HCM cho thấy thực trạng lồng ghép nhạy cảm văn hóa trong dạy tiếng Nhật đối với giáo viên, học viên và phân tích tài liệu như sau:

2.3.1. Nhận thức và khó khăn

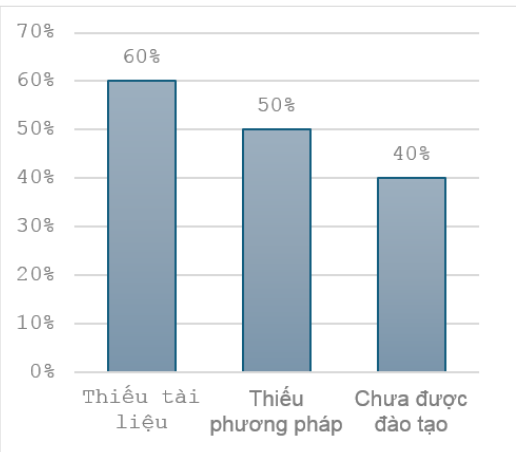
Đối với Giáo viên: Đa số giáo viên (75%) nhận thức được tầm quan trọng của việc lồng ghép nhạy cảm văn hóa, coi đó là yếu tố then chốt giúp học viên giao tiếp hiệu quả. Tuy nhiên, một bộ phận (25%) vẫn còn xem nhẹ yếu tố này, tập trung chủ yếu vào giảng dạy ngữ pháp và từ vựng. Giáo viên

có kinh nghiệm giảng dạy lâu năm thường tự tin hơn trong việc lồng ghép văn hóa, sử dụng nhiều ví dụ thực tế và tình huống giao tiếp. Khó khăn phổ biến nhất là thiếu tài liệu phù hợp (60%), thiếu phương pháp giảng dạy hiệu quả (50%) và chưa được đào tạo bài bản về giảng dạy liên văn hóa (40%). Giáo viên cũng gặp khó khăn trong việc đánh giá năng lực giao tiếp liên văn hóa của học viên. Giáo viên mong muốn được tham gia các khóa đào tạo về giảng dạy liên văn hóa, được cung cấp tài liệu và công cụ hỗ trợ, và có thêm thời gian để chuẩn bị bài giảng tích hợp yếu tố văn hóa.



Hình 1a: Nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của nhạy cảm văn hóa

Nguồn: Khảo sát 30 giáo viên các cơ sở dạy tiếng Nhật tại TP HCM năm 2025

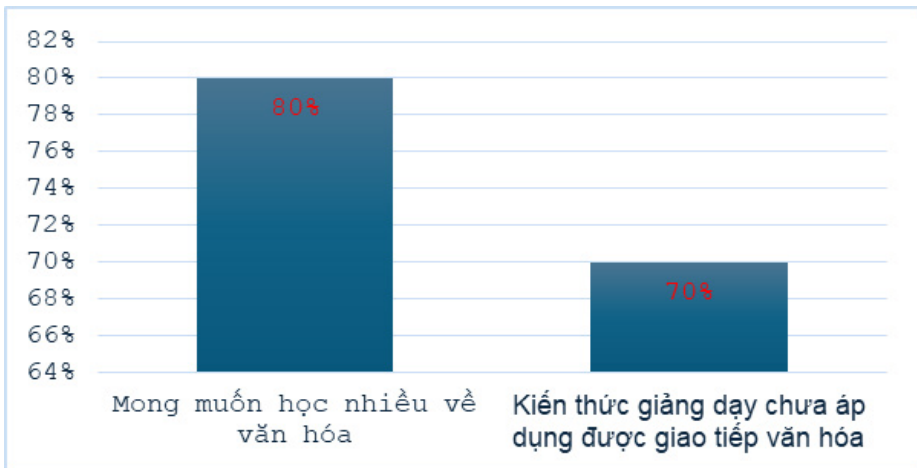


Hình 1b: Khó khăn của giáo viên trong việc lồng ghép nhạy cảm văn hóa

Nguồn: Khảo sát 30 giáo viên các cơ sở dạy tiếng Nhật tại TP HCM năm 2025

Đối với học viên: Học viên (80%) mong muốn được học nhiều hơn về văn hóa Nhật Bản, đặc biệt là văn hóa giao tiếp. Tuy nhiên, họ cảm thấy phần lớn kiến thức văn hóa được dạy còn mang tính lý thuyết, chưa được áp dụng vào thực hành giao tiếp (70%).

Học viên cũng gặp khó khăn trong việc phân biệt sắc thái văn hóa tinh tế và áp dụng vào thực tế. Học viên mong muốn có nhiều hoạt động thực hành giao tiếp hơn, được tiếp xúc với người bản ngữ, và được học trong môi trường mô phỏng thực tế.



Hình 2: Kỳ vọng và phản hồi của học viên về học tập văn hóa Nhật Bản

Nguồn: Khảo sát 100 học viên các cơ sở dạy tiếng Nhật tại TP HCM năm 2025

Nhận thức về sự nhạy cảm văn hóa trong dạy và học có sự khác biệt lớn giữa giáo viên và học viên. Giáo viên có mức độ hiểu biết về nhạy cảm văn hóa khá cao, trung bình 4.2/5 (Thang đo Likert 1-5, từ “Hoàn toàn không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý”); trong khi đó, học viên có điểm số thấp hơn (3.8/5), thể hiện sự hiểu biết về văn hóa giao tiếp Nhật Bản còn hạn chế. Về thái độ, đa số giáo viên (90%) và học viên (95%) đều đồng ý rằng việc lồng ghép văn hóa trong dạy và học tiếng Nhật là quan trọng. Tuy nhiên, chỉ 60% giáo viên cho biết họ tự tin trong việc thực hiện điều này.

Sự kết hợp hai biểu đồ trên cho thấy giáo viên hiểu biết về nhạy cảm văn hóa tốt hơn học viên. Cả giáo viên và học viên đều đồng ý về tầm quan trọng của việc lồng ghép văn hóa. Tuy nhiên, mặc dù đồng ý nhưng chưa đến 2/3 giáo viên tự tin thực hiện việc lồng ghép này, cho thấy khoảng cách giữa nhận thức và khả năng thực hành.

2.3.2. Cách lồng ghép văn hóa

Việc lồng ghép yếu tố văn hóa còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào giới thiệu phong tục tập quán (80% số tiết quan sát), ít chú trọng đến các tình huống giao tiếp thực tế (20%). Các hoạt động thực hành giao tiếp liên quan đến văn hóa còn ít và chưa đa dạng. Học viên tỏ ra hứng thú với các hoạt động liên quan đến văn hóa, nhưng mức độ tham gia chưa cao.

Tần suất giáo viên lồng ghép các hoạt động liên quan đến văn hóa vào bài giảng còn thấp, trung bình 2.5 lần/7 buổi giảng (thang đo 1-7, từ “Không bao giờ” đến “Hàng ngày”). Học viên cho biết họ ít khi được thực hành giao tiếp trong các tình huống thực tế đòi hỏi nhạy cảm văn hóa (trung bình 1.8 lần/tuần). Việc lồng ghép văn hóa còn nặng về lý thuyết (phong tục tập quán) mà chưa chú trọng thực hành giao tiếp. Cả giáo viên và học viên đều ít khi thực hành giao tiếp trong bối cảnh văn hóa, với tần suất thấp. Điều này cho thấy sự cần thiết phải tăng cường các hoạt động thực hành giao tiếp liên quan đến văn hóa.

Một số học viên còn e ngại khi phải thực hành giao tiếp trong các tình huống liên quan đến văn hóa. Bởi vì giáo viên chủ yếu sử dụng giáo trình chính và ít bổ sung tài liệu bên ngoài. Phương pháp giảng dạy còn mang tính truyền thống, ít sử dụng công nghệ và phương tiện hỗ trợ.

2.3.3. Phân tích nội dung giáo trình

Phân tích nội dung giáo trình tiếng Nhật cho thấy những hạn chế đáng kể trong việc lồng ghép và khai thác yếu tố văn hóa. Cụ thể, nội dung văn hóa được trình bày còn khá sơ sài, chủ yếu tập trung vào những khía cạnh cơ bản và dễ tiếp cận như lễ nghi, ẩm thực và địa lý. Sự đa dạng văn hóa, bao gồm cả những khía cạnh văn hóa phi vật thể, giá trị, niềm tin, quan niệm sống, chưa được thể hiện một cách rõ nét và toàn diện. Điều này tạo nên một bức tranh văn hóa chưa hoàn chỉnh, thiếu chiều sâu và khó khơi gợi sự hứng thú tìm hiểu cho học viên.

Hơn nữa, cách thức tích hợp nội dung văn hóa vào bài học còn rời rạc, thiếu tính hệ thống và bài bản. Các nội dung văn hóa thường được đưa vào như những phần phụ thêm, chưa được kết nối chặt chẽ với nội dung ngôn ngữ chính, khiến học viên khó nắm bắt được mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Phương pháp trình bày cũng chưa hiệu quả, thiên về liệt kê thông tin một cách đơn thuần, thiếu các hoạt động thực hành, bài tập ứng dụng và tình huống giao tiếp thực tế. Điều này khiến kiến thức văn hóa trở nên khô khan, khó ghi nhớ và khó vận dụng vào thực tiễn giao tiếp.

2.3.4. Tác động của sự lồng ghép giảng dạy văn hóa đến năng lực ngoại ngữ của học viên

Bài kiểm tra bao gồm các phần nhập vai, thuyết trình và viết email trong các tình huống giao tiếp thực tế. Kết quả được chấm điểm theo 3 tiêu chí: chính xác ngôn ngữ (40%), phù hợp văn hóa (40%) và hiệu quả giao tiếp (20%). Kết quả cho thấy học viên đạt điểm trung bình 6.5/10. Điểm số cho thấy học viên tương đối tốt về mặt ngôn ngữ (trung bình 7/10), nhưng còn yếu về mặt văn hóa (trung bình 6/10) và hiệu quả giao tiếp (trung bình 6/10). Học viên thường mắc lỗi về cách xưng hô, sử dụng kính ngữ và lựa chọn từ ngữ phù hợp với ngữ cảnh văn hóa. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp, thông điệp không được truyền tải một cách rõ ràng và dễ gây hiểu lầm.

Nhìn chung, học viên tương đối tốt về ngôn ngữ nhưng cần cải thiện về phù hợp văn hóa và hiệu quả giao tiếp. Việc mắc lỗi về xưng hô, kính ngữ và lựa chọn từ ngữ (thông tin định tính) có thể được đề cập trong phần phân tích để bổ sung cho biểu đồ, giải thích rõ hơn nguyên nhân điểm số thấp về văn hóa và hiệu quả giao tiếp.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc lồng ghép nhạy cảm văn hóa trong dạy tiếng Nhật tại TP.HCM còn nhiều hạn chế. Phân tích định tính chỉ ra, mặc dù giáo viên phần lớn nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố văn hóa, thực tế lồng ghép vào bài giảng còn chưa hiệu quả. Học viên cũng bày tỏ mong muốn được học và thực hành giao tiếp trong bối cảnh văn hóa thực tế nhiều hơn. Kết quả định lượng cũng cố thêm nhận định này, khi khảo sát cho thấy học viên còn hạn chế về hiểu biết và thực hành giao tiếp liên quan đến văn hóa Nhật Bản, thể hiện qua điểm số bài kiểm

tra năng lực giao tiếp chưa cao, đặc biệt ở khía cạnh vận dụng kiến thức văn hóa. Phân tích thống kê cũng chỉ ra mối liên hệ rõ ràng giữa hiểu biết văn hóa và năng lực giao tiếp, đồng thời cho thấy kinh nghiệm và phương pháp của giáo viên ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập của học viên. Do đó, cần có những thay đổi toàn diện, bao gồm tăng cường đào tạo giáo viên về giảng dạy liên văn hóa, thiết kế các hoạt động học tập chú trọng thực hành giao tiếp tình huống, và bổ sung tài liệu học tập phù hợp, nhằm đáp ứng nhu cầu của học viên, giúp họ phát triển năng lực giao tiếp hiệu quả và hiểu biết sâu sắc về văn hóa Nhật Bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bennett, M. J. (1993). *Developing Intercultural Sensitivity: An Integrative Approach to Global and Domestic Diversity*. In R. M. Paige (Ed.), *Education for the Intercultural Experience* (pp. 21–71). Intercultural Press.
- Byram, M. (1997). *Teaching and assessing intercultural communicative competence*. Multilingual Matters.
- Deardorff, D. K. (2006). *Identification and assessment of intercultural competence as a student outcome of internationalization*. *Journal of Studies in International Education*, 10(3), 241–266. <https://doi.org/10.1177/1028315306287002>
- Ishihara, N., & Cohen, A. D. (2010). *Teaching and learning pragmatics: Where language and culture meet*. Pearson Education.
- Liddicoat, A. J., & Scarino, A. (2013). *Intercultural language teaching and learning*. Wiley-Blackwell.
- Nguyễn, T. M., & Trần, L. Q. (2023). Thực trạng tích hợp yếu tố văn hóa trong giảng dạy tiếng Nhật tại TP. Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Ngoại ngữ*, 39(2), 55–66.
- Sercu, L. (Ed.). (2005). *Foreign language teachers and intercultural competence: An international investigation*. Multilingual Matters.
- Spitzberg, B. H., & Changnon, G. (2009). Conceptualizing intercultural competence. In D. K. Deardorff (Ed.), *The SAGE Handbook of Intercultural Competence* (pp. 2–52). SAGE Publications.
- Yonezawa, Y. (2017). Fostering intercultural competence in Japanese language education: Challenges and practical strategies. *Intercultural Education*, 28(5), 473–486. <https://doi.org/10.1080/14675986.2017.1379331>